**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HÒA VANG**
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số:51 /2018/HNGĐ-ST*
*Ngày: 20/11/2018*
*V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Nguyễn Văn Gạt.
Ông Tán Nghị.
***Thư ký phiên toà:*** Bà Chu Thị Phương Thùy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/10/2018, giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

* Bị đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Minh H kết hôn với nhau vào năm 2008 nhưng đến năm 2011 chúng tôi đã ly hôn, sau đó năm 2014 chúng tôi đã trở về chung sống lại với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn lại vợ chồng chung sống tại thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là quá trình chung sống gia đình chồng cho rằng bà T và ông H không hợp tuổi nên mâu thuẫn với bên nhà chồng, ông H thường xuyên

uống rượu về gây gỗ, đánh đập, xúc phạm bà T nên bà T không thể tiếp tục chung sống với ông H nữa, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên là Trần Minh T– sinh ngày 16/9/2009, cháu bị hội chứng Down. Ly hôn bà T yêu cầu giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn là ông Trần Minh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông H xác nhận lời trình bày của bà T về việc kết hôn là đúng. Hai vợ chồng có nhiều hiểu lầm nên sinh ra cãi vã qua lại, ông H có đánh vợ tôi một vài lần, nguyên nhân vợ chồng không hòa hợp, hay cãi nhau, do bức xúc nên ông H có đánh bà T. Bà T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 3.2018 đến nay. Nay bà T gửi đơn ra tòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì đồng ý.

Về con chung: Ông H và bà T có 01 con chung như bà T đã trình bày. Ly hôn, ông H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu chứng cứ của vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh con, bản photo chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

*Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:*

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay và các quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T đối với ông Trần Minh H.

*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Trần Thị T được ly hôn đối với ông Trần Minh H.

*Về con chung*: Xử giao con chung là Trần Minh T– sinh ngày 16/9/2009 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Trần Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở để nhận định:*

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Trần Thị T đối với ông Trần Minh H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]**Về nội dung:**

** Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Trần Thị T và ông Trần Minh H kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Xét thấy, hôn nhân giữa hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên toà hôm nay, bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Trần Thị T xác nhận vợ chồng chung sống đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẩn trầm trọng. Nguyên nhân là quá trình chung sống gia đình chồng cho rằng bà T và ông H không hợp tuổi nên mâu thuẩn với bên nhà chồng, ông H thường xuyên uống rượu về gây gỗ, đánh đập, xúc phạm bà T. Tại biên bản xác minh do trưởng thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cung cấp: vợ chồng ông H bà Tcó chung sống tại địa phương, sinh được một cháu bé mắc chứng tự kỷ. Bà T chung sống với ông H được một thời gian thì bỏ đi đâu không rõ. Hiện ông H đang nuôi con. Đồng thời ông H cũng xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẩn, có nhiều hiểu lầm nên sinh ra cãi vã qua lại, ông H có đánh bà T một vài lần, nguyên nhân vợ chồng không hòa hợp, hay cãi nhau. Ông H cũng thống nhất ly hôn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã có mâu thuẩn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T đối với ông Trần Minh H là hoàn toàn phù hợp.

* *Về con chung*: Bà T và ông H xác nhận có 01 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 16/9/2009. Tại phiên tòa hôm nay, bà T yêu cầu giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy,con chung đang do ông H trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân, hiện nay bà T là công nhân nên chưa có điều kiện đưa đón con đi học, ông H cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, do đó HĐXX xử giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án ông H không yêu cầu và tại phiên tòa hôm nay, bà T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không có cơ sở xem xét giải quyết. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác

* *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định không nợ ai, không ai nợ, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3]Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà Trần Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0006500 ngày 30/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]Xét những đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" của bà Trần Thị T đối với ông Trần Minh H.

***1.Về quan hệ hôn nhân:*** Xử : Cho bà Trần Thị T được ly hôn đối với ông Trần Minh H.

**2. Về con chung:** Xử: Giao con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 16/9/2009 cho ông Trần Minh H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

***3.Về án phí:*** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà Trần Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0006500 ngày 30/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

***4.Về thời hạn kháng cáo:***

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn là ông Trần Minh H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- VKSND huyện Hòa Vang;*
*- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;*
*- UBND xã H;*
*- Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Phương Thảo**